

Số: *702*/QĐ-TCCB

Thái Nguyên, ngày *28* tháng *12* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi trả phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo năm 2016 cho các cán bộ, viên chức của Trường Đại học Nông Lâm (có danh sách kèm theo).

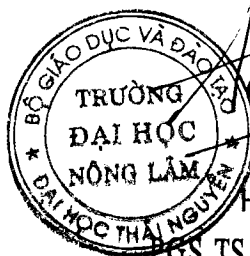
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ, viên chức có tên tại điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *ng*

- Như điều 2;
- Lưu TCCB, VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Trần Văn Điền*

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

DANH SÁCH CÁN BỘ VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH THÊM MỨC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1702/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 12 năm 2016)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Dương Hoài An	02/71	05/05	2,67	2,67			10%	05/15	11%	05/2016	355.377	258.456	
2	Mai Thị Ngọc An	02/73	02/05	5,14	4,74	0,4		10%	02/15	11%	02/2016	684.134	674.882	
3	Nguyễn Ngọc Anh	02/81	02/08	3,63	3,33	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	351.384	476.619	
4	Bùi Lan Anh	10/73	06/05	3,66	3,66			10%	06/15	11%	06/2016	487.146	310.002	
5	Lương Thị Anh	03/63	09/90	6,06	5,76	0,3		25%	09/15	26%	09/2016	1.906.476	293.304	
6	Cù Ngọc Bắc	02/68	04/94	5,92	5,42	0,5		21%	04/15	22%	04/2016	1.575.904	641.136	
7	Phan Đình Bình	09/76	04/06	6,60	6,20	0,4		9%	04/15	10%	04/2016	798.600	714.780	
8	Đặng Xuân Bình	11/68	08/05	6,70	6,20	0,5		10%	08/15	11%	08/2016	891.770	405.350	
9	Nguyễn Minh Cảnh	03/80	08/07	3,30	3,00	0,3		8%	08/15	9%	08/2016	359.370	199.650	
10	Lê Minh Châu	04/80	08/08	3,33	3,33			7%	08/15	8%	08/2016	322.344	201.465	
11	Nguyễn Thị Châu	02/64	09/99	3,66	3,66			16%	09/15	17%	09/2016	752.862	177.144	
12	Đỗ Hoàng Chung	05/78	05/07	4,06	3,66	0,4		8%	05/15	9%	05/2016	442.134	393.008	
13	La Văn Công	12/70	07/02	3,96	3,66	0,3		13%	07/15	14%	07/2016	670.824	287.496	
14	Hoàng Kim Diệu	11/81	08/08	3,63	3,33	0,3		7%	08/15	8%	08/2016	351.384	219.615	
15	Hà Văn Doanh	09/57	04/06	4,49	3,99	0,5		9%	04/15	10%	04/2016	543.290	486.267	
16	Nguyễn Thị Dung	05/64	03/04	6,80	6,20	0,6		11%	03/15	12%	03/2016	987.360	814.640	
17	Dương Trung Dũng	08/74	04/06	4,06	3,66	0,4		9%	04/15	10%	04/2016	491.260	439.698	
18	Phạm Tiến Dũng	01/59	01/83	5,43	4,98		0,448	32%	01/15	33%	01/2016	2.167.480	775.147	
19	Nguyễn Văn Duy	12/78	11/01	4,49	3,99	0,5		14%	11/15	15%	11/2016	814.935	108.658	
20	Dương Ngọc Dương	02/81	04/06	2,67	2,67			9%	04/15	10%	04/2016	323.070	289.161	
21	Mai Hoàng Đạt	01/83	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
22	Nguyễn Thế Đặng	03/53	12/79	8,14	7,64	0,5		36%	12/15	37%	12/2016	3.644.278	98.494	
23	Luân Thị Đẹp	01/56	02/81	6,56	6,56			34%	02/15	35%	02/2016	2.778.160	861.328	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
24	Trần Văn Điền	05/61	02/85	7,56	6,56	1		30%	02/15	31%	02/2016	2.835.756	992.628	
25	Ngô Thị Hồng Gấm	02/80	08/08	3,00	3,00			7%	08/15	8%	08/2016	290.400	181.500	
26	Nguyễn Hữu Giang	03/75	07/01	3,33	3,33			14%	07/15	15%	07/2016	604.395	241.758	
27	Bùi Thị Kiều Giang	06/76	09/99	4,29	3,99	0,3		16%	09/15	17%	09/2016	882.453	207.636	
28	Bùi Thị Minh Hà	11/71	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
29	Trần Đình Hà	10/77	02/08	3,73	3,33	0,4		7%	02/15	8%	02/2016	361.064	489.749	
30	Phạm Thu Hà	10/82	08/08	3,33	3,33			7%	08/15	8%	08/2016	322.344	201.465	
31	Mai Thị Ngọc Hà	09/84	08/08	3,00	3,00			7%	08/15	8%	08/2016	290.400	181.500	
32	Đặng Thị Thu Hà	09/75	08/04	3,96	3,66	0,3		11%	08/15	12%	08/2016	574.992	239.580	
33	Nguyễn Thuý Hà	05/70	10/00	4,72	4,32	0,4		15%	10/15	16%	10/2016	913.792	171.336	
34	Trần Thị Thu Hà	06/71	09/94	6,80	6,20	0,6		21%	09/15	22%	09/2016	1.810.160	329.120	
35	Trần Thị Thu Hà	05/62	06/85	5,33	4,98		0,349	30%	06/15	31%	06/2016	1.998.758	451.332	
36	Dương Thị Thanh Hà	04/63	11/86	6,06	5,76	0,3		29%	11/15	30%	11/2016	2.199.780	146.652	
37	Hà Thị Hào	07/62	12/89	6,26	5,76	0,5		26%	12/15	27%	12/2016	2.045.142	75.746	
38	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/84	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
39	Phan Thị Thu Hằng	10/69	03/92	5,92	5,42	0,5		23%	03/15	24%	03/2016	1.719.168	709.216	
40	Lương Văn Hinh	10/52	01/77	8,44	7,64	0,8		38%	01/15	39%	01/2016	3.982.836	1.205.232	
41	Từ Quang Hiến	06/54	01/77	8,40	8,00		0,400	39%	01/15	40%	01/2016	4.065.600	1.199.520	
42	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/81	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
43	Nguyễn Văn Hiếu	10/79	04/06	3,83	3,33	0,5		9%	04/15	10%	04/2016	463.430	414.789	
44	Nguyễn Chí Hiếu	10/74	06/05	4,49	3,99	0,5		10%	06/15	11%	06/2016	597.619	380.303	
45	Phạm Thanh Hiếu	12/83	01/08	3,33	3,33			7%	01/15	8%	01/2016	322.344	475.524	
46	Văn Thị Quỳnh Hoa	09/75	02/05	5,14	4,74	0,4		10%	02/15	11%	02/2016	684.134	674.882	
47	Nguyễn Hữu Hoà	04/72	11/00	4,29	3,99	0,3		15%	11/15	16%	11/2016	830.544	103.818	
48	Kiều Văn Hoà	10/62	12/86	5,33	4,98		0,349	29%	12/15	30%	12/2016	1.934.282	64.476	
49	Bùi Đình Hoà	08/56	09/81	6,70	6,10	0,6		34%	09/15	35%	09/2016	2.837.450	324.280	
50	Trần Thị Hoan	05/82	02/08	3,63	3,33	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	351.384	476.619	
51	Nguyễn Công Hoan	05/78	01/03	3,66	3,66			12%	01/15	13%	01/2016	575.718	522.648	
52	Nguyễn Thị Thu Hoàn	08/76	04/06	3,96	3,66	0,3		9%	04/15	10%	04/2016	479.160	428.868	

ng

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
53	Hà Huy Hoàng	05/80	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
54	Lê Sỹ Hồng	05/75	04/06	3,66	3,66			9%	04/15	10%	04/2016	442.860	396.378	
55	Nguyễn Hữu Hồng	05/55	07/80	7,64	7,64			35%	07/15	36%	07/2016	3.327.984	554.664	
56	Nguyễn Thế Huân	10/62	10/92	6,26	5,76	0,5		23%	10/15	24%	10/2016	1.817.904	227.238	
57	Dương Thị Kim Huệ	11/84	02/08	3,30	3,00	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	319.440	433.290	
58	Đào Việt Hùng	05/82	02/08	3,73	3,33	0,4		7%	02/15	8%	02/2016	361.064	489.749	
59	Nguyễn Thế Hùng	05/67	08/90	7,00	6,20	0,8		25%	08/15	26%	08/2016	2.202.200	423.500	
60	Vương Văn Huyền	03/83	02/08	3,40	3,00	0,4		7%	02/15	8%	02/2016	329.120	446.420	
61	Nông Thị Thu Huyền	03/77	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
62	Nguyễn Thị Huyền	10/84	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
63	Nguyễn Việt Hưng	01/82	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
64	Trần Quốc Hưng	09/73	08/04	6,80	6,20	0,6		11%	08/15	12%	08/2016	987.360	411.400	
65	Nguyễn Việt Hưng	11/74	07/02	6,80	6,20	0,6		13%	07/15	14%	07/2016	1.151.920	493.680	
66	Nông Thị Hiền Hương	04/83	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
67	Lương Thị Thu Hường	11/81	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
68	Dương Thị Thu Hoài	10/82	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
69	Từ Trung Kiên	02/81	01/07	6,60	6,20	0,4		8%	01/15	9%	01/2016	718.740	942.480	
70	Trần Trung Kiên	12/76	04/06	4,06	3,66	0,4		9%	04/15	10%	04/2016	491.260	439.698	
71	Nguyễn Ngọc Lan	12/83	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
72	Lê Thị Lan	04/79	01/08	4,16	3,66	0,5		7%	01/15	8%	01/2016	402.688	594.048	
73	Phạm Thị Phương Lan	06/74	07/02	3,96	3,66	0,3		13%	07/15	14%	07/2016	670.824	287.496	
74	Đỗ Thị Lan	01/72	03/98	6,70	6,20	0,5		17%	03/15	18%	03/2016	1.459.260	802.660	
75	Đinh Ngọc Lan	12/68	05/92	6,70	6,20	0,5		23%	05/15	24%	05/2016	1.945.680	648.560	
76	Nguyễn Thị Kim Lan	06/55	10/80	7,28	7,28			35%	10/15	36%	10/2016	3.171.168	264.264	
77	Nguyễn Thị Lân	12/65	05/98	5,24	4,74	0,5		17%	05/15	18%	05/2016	1.141.272	507.232	
78	Lưu Thị Thuỷ Linh	01/83	01/08	3,30	3,00	0,3		7%	01/15	8%	01/2016	319.440	471.240	
79	Vũ Thị Thu Loan	06/69	10/91	5,14	4,74	0,4		24%	10/15	25%	10/2016	1.554.850	186.582	
80	Nguyễn Thị Lợi	06/67	12/00	4,39	3,99	0,4		15%	12/15	16%	12/2016	849.904	53.119	
81	Lê Sỹ Lợi	03/62	08/90	6,36	5,76	0,6		25%	08/15	26%	08/2016	2.000.856	384.780	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
82	Nguyễn Quý Ly	02/60	09/97	5,73	4,98	0,4	0,349	18%	09/15	19%	09/2016	1.317.005	277.264	
83	Nguyễn Thị Hồng Mai	03/62	08/84	5,33	4,98		0,349	31%	08/15	32%	08/2016	2.063.234	322.380	
84	Nguyễn Văn Mạn	04/65	05/92	5,92	5,42	0,5		23%	05/15	24%	05/2016	1.719.168	573.056	
85	Nguyễn Thị Mão	01/63	06/91	6,16	5,76	0,4		24%	06/15	25%	06/2016	1.863.400	521.752	
86	Phạm Văn Mến	11/56	11/75	5,68	4,98		0,697	40%	11/15	41%	11/2016	2.816.459	137.388	
87	Vì Diệu Minh	10/83	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
88	Lê Minh	02/77	12/05	4,39	3,99	0,4		10%	12/15	11%	12/2016	584.309	53.119	
89	Nguyễn Quang Minh	02/58	08/83	5,43	4,98		0,448	32%	08/15	33%	08/2016	2.167.480	328.406	
90	Nguyễn Thị Thuý My	08/64	06/90	6,60	6,10	0,5		25%	06/15	26%	06/2016	2.076.360	559.020	
91	Trương Thành Nam	03/78	02/08	3,73	3,33	0,4		7%	02/15	8%	02/2016	361.064	489.749	
92	Cù Thị Thuý Nga	11/76	12/05	3,96	3,66	0,3		10%	12/15	11%	12/2016	527.076	47.916	
93	Trần Thị Thuý Nga	11/66	07/91	4,98	4,98			24%	07/15	25%	07/2016	1.506.450	361.548	
94	Nguyễn Thị Ngân	09/73	06/05	4,72	4,32	0,4		10%	06/15	11%	06/2016	628.232	399.784	
95	Trần Ngọc Ngoan	08/54	12/79	7,64	7,64			36%	12/15	37%	12/2016	3.420.428	92.444	
96	Phạm Văn Ngọc	11/72	11/06	4,32	4,32			9%	11/15	10%	11/2016	522.720	104.544	
97	Lành Thị Ngọc	08/74	01/08	3,83	3,33	0,5		7%	01/15	8%	01/2016	370.744	546.924	
98	Hồ Thị Bích Ngọc	03/81	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
99	Vũ Thị Nguyên	01/81	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
100	Dương Thị Nguyên	05/75	06/05	3,66	3,66			10%	06/15	11%	06/2016	487.146	310.002	
101	Nguyễn Đức Nhuận	07/74	06/05	4,06	3,66	0,4		10%	06/15	11%	06/2016	540.386	343.882	
102	Nguyễn Ngọc Nông	07/58	11/85	8,08	7,28	0,8		30%	11/15	31%	11/2016	3.030.808	195.536	
103	Lê Thị Kiều Oanh	08/77	02/08	3,63	3,33	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	351.384	476.619	
104	Lương Thị Kim Oanh	08/65	01/00	3,99	3,99			15%	01/15	16%	01/2016	772.464	569.772	
105	Nguyễn Thị Phương Oanh	12/67	12/91	4,98	4,98			24%	12/15	25%	12/2016	1.506.450	60.258	
106	Đỗ Thị Ngọc Oanh	12/59	01/84	5,76	5,76			31%	01/15	32%	01/2016	2.230.272	822.528	
107	Trần Thị Phà	07/81	02/08	3,73	3,33	0,4		7%	02/15	8%	02/2016	361.064	489.749	
108	Phan Thị Hồng Phúc	12/76	01/07	4,59	3,99	0,6		8%	01/15	9%	01/2016	499.851	655.452	
109	Trần Văn Phùng	08/60	01/84	7,36	6,56	0,8		31%	01/15	32%	01/2016	2.849.792	1.051.008	
110	Dương Thế Phùng	10/60	10/96	7,52	6,78	0,4	0,339	19%	10/15	20%	10/2016	1.819.598	272.940	

ng

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
111	Đặng Thị Hồng Phương	10/83	02/08	3,30	3,00	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	319.440	433.290	
112	Đỗ Thị Lan Phương	08/76	01/07	3,66	3,66			8%	01/15	9%	01/2016	398.574	522.648	
113	Nguyễn Hưng Quang	07/74	01/07	6,70	6,20	0,5		8%	01/15	9%	01/2016	729.630	956.760	
114	Nguyễn Văn Quang	06/55	10/81	6,44	6,44			34%	10/15	35%	10/2016	2.727.340	233.772	
115	Trần Minh Quân	07/79	04/07	3,78	3,33	0,45		8%	04/15	9%	04/2016	411.642	409.374	
116	Trần Công Quân	11/65	06/92	5,82	5,42	0,4		23%	06/15	24%	06/2016	1.690.128	492.954	
117	Vũ Thị Quý	11/74	11/03	4,06	3,66	0,4		12%	11/15	13%	11/2016	638.638	98.252	
118	Nguyễn Thu Quyên	12/81	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
119	Đỗ Hoàng Sơn	06/72	07/02	3,96	3,66	0,3		13%	07/15	14%	07/2016	670.824	287.496	
120	Hồ Ngọc Sơn	09/76	12/05	4,16	3,66	0,5		10%	12/15	11%	12/2016	553.696	50.336	
121	Nguyễn Khắc Thái Sơn	05/66	11/00	6,20	6,20			15%	11/15	16%	11/2016	1.200.320	150.040	
122	Dương Văn Sơn	08/60	02/83	7,06	6,56	0,5		32%	02/15	33%	02/2016	2.819.058	926.978	
123	Nguyễn Văn Sửu	10/63	12/95	5,48	5,08	0,4		20%	12/15	21%	12/2016	1.392.468	66.308	
124	Nguyễn Văn Tâm	10/81	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
125	Bùi Thị Thanh Tâm	09/80	08/08	3,63	3,33	0,3		7%	08/15	8%	08/2016	351.384	219.615	
126	Nguyễn Văn Thái	06/62	06/92	5,05	4,65	0,4		23%	06/15	24%	06/2016	1.466.520	427.735	
127	Hoàng Hải Thanh	10/81	04/06	2,67	2,67			9%	04/15	10%	04/2016	323.070	289.161	
128	Dư Ngọc Thành	05/66	11/99	4,72	4,32	0,4		16%	11/15	17%	11/2016	970.904	114.224	
129	Nguyễn Đức Thạnh	04/58	10/83	7,75	6,78	0,5	0,475	32%	10/15	33%	10/2016	3.096.412	281.492	
130	Dương Văn Thảo	06/76	12/05	4,06	3,66	0,4		10%	12/15	11%	12/2016	540.386	49.126	
131	Hoàng Thị Bích Thảo	01/75	11/03	4,16	3,66	0,5		12%	11/15	13%	11/2016	654.368	100.672	
132	Trần Văn Thăng	08/69	06/05	4,39	3,99	0,4		10%	06/15	11%	06/2016	584.309	371.833	
133	Nguyễn Mạnh Thắng	04/83	02/08	3,30	3,00	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	319.440	433.290	
134	Ngô Nhật Thắng	02/64	10/92	5,42	5,42			23%	10/15	24%	10/2016	1.573.968	196.746	
135	Nguyễn Đình Thi	03/67	11/03	3,96	3,66	0,3		12%	11/15	13%	11/2016	622.908	95.832	
136	Nguyễn Hữu Thọ	08/72	12/05	4,16	3,66	0,5		10%	12/15	11%	12/2016	553.696	50.336	
137	Nguyễn Thị Thoa	02/76	01/07	3,73	3,33	0,4		8%	01/15	9%	01/2016	406.197	532.644	
138	Vũ Văn Thông	11/61	12/86	6,26	5,76	0,5		29%	12/15	30%	12/2016	2.272.380	75.746	
139	Lê Văn Thơ	03/75	12/05	4,39	3,99	0,4		10%	12/15	11%	12/2016	584.309	53.119	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
140	Bùi Thị Thơm	04/75	06/05	4,44	3,99	0,45		10%	06/15	11%	06/2016	590.964	376.068	
141	Trịnh Thị Thu	05/81	02/08	3,73	3,33	0,4		7%	02/15	8%	02/2016	361.064	489.749	
142	Hà Văn Thuận	07/76	04/06	2,67	2,67			9%	04/15	10%	04/2016	323.070	289.161	
143	Đào Hồng Thuận	09/80	02/08	3,33	3,33			7%	02/15	8%	02/2016	322.344	437.229	
144	Nguyễn Thị Thuý	02/80	01/08	3,33	3,33			7%	01/15	8%	01/2016	322.344	475.524	
145	Vũ Thị Thanh Thuý	12/69	01/94	6,26	5,76	0,5		21%	01/15	22%	01/2016	1.666.412	893.928	
146	Nguyễn Thị Thuý	09/83	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
147	Nguyễn Thanh Tiến	05/76	04/06	4,16	3,66	0,5		9%	04/15	10%	04/2016	503.360	450.528	
148	Nguyễn Quang Tính	07/64	01/00	4,49	3,99	0,5		15%	01/15	16%	01/2016	869.264	641.172	
149	Hứa Thị Toàn	12/84	01/08	3,00	3,00			7%	01/15	8%	01/2016	290.400	428.400	
150	Trần Đức Toàn	07/57	10/81	5,68	4,98		0,697	34%	10/15	35%	10/2016	2.404.294	206.082	
151	Lê Minh Toàn	11/67	01/94	5,82	5,42	0,4		21%	01/15	22%	01/2016	1.549.284	831.096	
152	Lê Sỹ Trung	06/61	01/88	7,41	6,56	0,85		27%	01/15	28%	01/2016	2.510.508	1.058.148	
153	Hà Minh Tuấn	12/81	01/07	3,00	3,00			8%	01/15	9%	01/2016	326.700	428.400	
154	Nguyễn Minh Tuấn	10/78	04/07	4,06	3,66	0,4		8%	04/15	9%	04/2016	442.134	439.698	
155	Đỗ Quốc Tuấn	11/68	01/94	5,82	5,42	0,4		21%	01/15	22%	01/2016	1.549.284	831.096	
156	Nguyễn Thị Tuyên	01/82	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
157	Đặng Kim Tuyền	04/65	05/91	6,60	6,10	0,5		24%	05/15	25%	05/2016	1.996.500	638.880	
158	Ngô Thị Máy Ước	06/83	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
159	Phạm Thị Thanh Vân	07/75	01/03	3,66	3,66			12%	01/15	13%	01/2016	575.718	522.648	
160	Phan Thị Vân	10/65	04/92	5,42	5,42			23%	04/15	24%	04/2016	1.573.968	586.986	
161	Đào Thanh Vân	07/58	06/82	7,32	6,92	0,4		33%	06/15	34%	06/2016	3.011.448	620.004	
162	Đàm Xuân Vận	03/73	07/02	6,70	6,20	0,5		13%	07/15	14%	07/2016	1.134.980	486.420	
163	Trần Huê Viên	05/59	07/87	7,36	6,56	0,8		28%	07/15	29%	07/2016	2.582.624	534.336	
164	Đàm Văn Vinh	01/61	02/89	6,06	5,76	0,3		26%	02/15	27%	02/2016	1.979.802	795.678	
165	Nguyễn Xuân Vũ	11/81	02/08	3,63	3,33	0,3		7%	02/15	8%	02/2016	351.384	476.619	
166	Lưu Thị Xuyên	04/67	11/99	4,49	3,99	0,5		16%	11/15	17%	11/2016	923.593	108.658	
167	Trần Thị Thuý Dương	06/84	02/08	3,00	3,00			7%	02/15	8%	02/2016	290.400	393.900	
168	Đặng Thị Mai Lan	04/84	08/09	3,00	3,00			6%	08/15	7%	08/2016	254.100	181.500	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
169	Nguyễn Thu Trang	12/83	04/09	3,00	3,00			6%	04/15	7%	04/2016	254.100	324.900	
170	Trần Thị Thanh Tâm	05/82	02/09	3,40	3,00	0,4		6%	02/15	7%	02/2016	287.980	446.420	
171	Đào Văn Cường	09/83	02/09	2,34	2,34			6%	02/15	7%	02/2016	198.198	307.242	
172	Phạm Diệu Thuỳ	10/85	02/09	3,00	3,00			6%	02/15	7%	02/2016	254.100	393.900	
173	Nguyễn Trường Giang	04/85	04/09	3,40	3,00	0,4		6%	04/15	7%	04/2016	287.980	368.220	
174	Bùi Minh Tuấn	12/85	08/09	3,00	3,00			6%	08/15	7%	08/2016	254.100	181.500	
175	Trần Văn Chí	01/82	08/09	3,40	3,00	0,4		6%	08/15	7%	08/2016	287.980	205.700	
176	Dương Văn Cường	12/80	08/09	3,73	3,33	0,4		6%	08/15	7%	08/2016	315.931	225.665	
177	Phạm Thị Tuyết Mai	10/82	08/09	3,00	3,00			6%	08/15	7%	08/2016	254.100	181.500	
178	Nguyễn Thị Tình	02/80	07/09	3,00	3,00			6%	07/15	7%	07/2016	254.100	217.800	
179	Nguyễn Đức Tuấn	07/81	07/09	3,00	3,00			6%	07/15	7%	07/2016	254.100	217.800	
180	Nguyễn Thị Mai Thảo	10/82	07/09	3,33	3,33			6%	07/15	7%	07/2016	282.051	241.758	
181	Đặng Thị Tố Nga	04/74	08/09	3,63	3,33	0,3		6%	08/15	7%	08/2016	307.461	219.615	
182	Đỗ Sơn Tùng	07/84	08/09	2,67	2,67			6%	08/15	7%	08/2016	226.149	161.535	
183	Trần Lệ Thị Bích Hồng	12/80	08/09	3,33	3,33			6%	08/15	7%	08/2016	282.051	201.465	
184	Đỗ Xuân Luận	07/83	08/09	3,33	3,33			6%	08/15	7%	08/2016	282.051	201.465	
185	Phạm Thanh Huế	11/83	08/09	3,00	3,00			6%	08/15	7%	08/2016	254.100	181.500	
186	Đỗ Trung Hiếu	03/82	02/09	3,00	3,00			6%	02/15	7%	02/2016	254.100	393.900	
187	Nguyễn Lan Hương	07/83	07/09	3,33	3,33			6%	07/15	7%	07/2016	282.051	241.758	
188	Hà Quang Trung	09/66	08/91	6,26	5,76	0,5		24%	08/15	25%	08/2016	1.893.650	378.730	
189	Nguyễn Thị Yên	12/75	12/05	4,06	3,66	0,4		10%	12/15	11%	12/2016	540.386	49.126	
190	Kiều Thị Thu Hương	08/76	08/08	3,33	3,33			7%	08/15	8%	08/2016	322.344	201.465	
191	Phạm Thị Thu Huyền	04/80	07/10	3,30	3,00	0,3		5%	07/15	6%	07/2016	239.580	239.580	
192	Nguyễn Thanh Hải	04/80	06/10	4,06	3,66	0,4		5%	06/15	6%	06/2016	294.756	343.882	
193	Nguyễn Quang Thi	09/84	04/10	3,50	3,00	0,5		5%	04/15	6%	04/2016	254.100	379.050	
194	Vũ Kiều Hạnh	11/85	07/10	3,00	3,00			5%	07/15	6%	07/2016	217.800	217.800	
195	Nguyễn Lê Duy	05/85	07/10	2,67	2,67			5%	07/15	6%	07/2016	193.842	193.842	
196	Nguyễn Thị Đỗ Hương Giang	10/87	04/10	2,67	2,67			5%	04/15	6%	04/2016	193.842	289.161	
197	Lương Hùng Tiến	09/80	01/10	3,73	3,33	0,4		5%	01/15	6%	01/2016	270.798	532.644	

ng

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ	PCTN vượt khung quy theo hệ số	Phụ cấp thâm niên đã hưởng		Phụ cấp thâm niên được tính hưởng năm 2016				Ghi chú
								Tỷ lệ (%)	Đã hưởng từ (tháng/năm)	Tỷ lệ (%)	Được hưởng từ (tháng/năm)	Mức tiền phụ cấp thâm niên /tháng	Số tiền truy lĩnh	
1	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
198	Nguyễn Văn Tuấn	01/85	04/10	2,67	2,67					5%	04/2015	153.525	1.381.725	
			04/10	3,33	3,33					6%	04/2016	241.758	2.163.834	
199	Hà Duy Trường	07/80	04/10	2,67	2,67					5%	04/2015	153.525	1.381.725	
			04/10	2,67	2,67					6%	04/2016	193.842	1.734.966	
200	Nguyễn Văn Bình	03/82	01/11	3,30	3,00	0,3				5%	01/2016	199.650	2.356.200	
201	Nguyễn Hữu Nghị	08/82	01/11	3,00	3,00					5%	01/2016	181.500	2.142.000	
202	Trịnh Thị Chung	07/86	01/11	2,67	2,67					5%	01/2016	161.535	1.906.380	
203	Nguyễn Thị Đoàn	05/85	01/11	2,67	2,67					5%	01/2016	161.535	1.906.380	
204	Vũ Thị Hạnh	08/83	01/11	3,00	3,00					5%	01/2016	181.500	2.142.000	
205	Nguyễn Thị Thu Hương	09/80	01/11	3,00	3,00					5%	01/2016	181.500	2.142.000	
206	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/76	07/11	3,33	3,33					5%	07/2016	201.465	1.208.790	
207	Nguyễn Thùy Linh	09/86	01/11	2,67	2,67					5%	01/2016	161.535	1.906.380	
208	Trần Việt Dũng	01/83	01/11	3,00	3,00					5%	01/2016	181.500	2.142.000	
	Tổng số												77.206.909	

Danh sách gồm có 208 người